

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔ LƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 11 /2021/DS-ST

Ngày: 30/ 3/ 2021

V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Đại - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Ngọc
2. Bà Trần Thị Minh Hoi

Thư ký phiên tòa: Bà Hg Thị Hường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 42/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXX-ST ngày 04 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H - sinh năm 1964

Địa chỉ: Xóm L, xã H, huyện Đ, tỉnh N. Có mặt

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hoài C - sinh năm 1976

Địa chỉ: Xóm 6, xã Trù Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn T - sinh năm 1964

Địa chỉ: Xóm L, xã H, huyện Đ, tỉnh N. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 08/10/2020 và bản tự khai ngày 05/ 11 /2020 của nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày: Vào tháng 11 năm 2017 gia đình ông Thanh bà H có 100.000.000đ tiền gốc đã cho vợ chồng bà M và ông Mười vay thêm góp tiền cho con đi xuất khẩu nước ngoài, đến nay vẫn chưa trả số tiền gốc và lãi cho gia đình

bà H, bà đã đòi nhiều lần, bà M hứa cuối năm 2019 nhưng vẫn chưa trả. Tiền lãi theo thỏa thuận giữa hai bên là 38.000.000đ , tổng cộng hai khoản gốc và lãi bà H yêu cầu bà M trả là 138.000.000đ

Tại bản tự khai ngày 05/11/2020 của bị đơn chị Nguyễn Thị Hoài C trình bày ngày 20/6/2015 bà H có xuống nhà chị M ở xóm 6 mới, xã Trù Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An gửi số tiền 40.000.000đ, sau ít tháng bà H xuống tính lãi suất 2% và Chị đã lấy số tiền lãi về đi phường , ít ngày sau bà H xuống gửi tiếp 30.000.000đ. Sau đó hơn một năm thì bà H xuống tính tiền lãi và gốc là hơn 100.000.000đ, hai bên có ghi giấy tờ lại, do tôi M làm ăn cho dân vay tiền đến nay vẫn chưa lấy được tiền nên chưa có trả và có xin trả tiền gốc cho bà H và tôi (M) đã trả được ba lần tổng số tiền là 30.000.000đ, số tiền còn lại nợ là 70.000.000đ. Do hiện tại tôi làm ăn mất trắng và còn nợ ngân hàng vẫn chưa trả được. tôi xin khất bà H sẽ trả dần nợ gốc và lãi đầy đủ.

Ngày 07/01/2021 Tòa tiến hành mở phiên hòa giải giữa bà Phạm Thị H và chị Nguyễn Thị Hoài C thỏa thuận lập biên bản hòa giải thành như sau: Chị Nguyễn Thị Hoài C có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị H số tiền nợ còn nợ gốc và lãi là 85.000.000đ (Tám mươi triệu đồng), thỏa thuận thời hạn trả nợ chia làm ba đợt :

- + Đợt 1 vào ngày 09/02/2021 trả số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng)
- + Đợt 2 vào ngày 07/8/2021 trả số tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng)
- + Đợt 3 vào ngày 28/12/2021 trả số tiền là 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng)

Đến ngày 12 / 01/ 2021 bà H có gửi văn bản thay đổi sự thỏa thuận và yêu cầu bà M với số tiền gốc là 100.000.000đ và tính tiền lãi suất theo ngân hàng là 1,5% từ khi vay cho đến khi xét xử nhưng trừ đi số tiền 30.000.000đ bà M đã trả, số tiền còn lại bà M phải trả cả gốc và lãi là 122.000.000đ, do vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương phát biểu ý kiến theo quy định tại điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác minh và thu thập chứng cứ, tổ chức hòa giải cũng như thời hạn giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về thành phần, nguyên tắc xét xử, trình tự tố tụng tại phiên tòa.

Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: sau khi phân tích các tình tiết của vụ án và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 465,

Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 26, điều 35, điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 3 điều 2 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi suất, phạt vi phạm. Xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị Hoài C phải trả cho bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn T số tiền nợ gốc là 70.000.000 (bảy mươi triệu đồng) đồng và tiền lãi suất trên số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất 1,5%/tháng kể từ ngày 24/11/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (30/3/2021) và buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn bà Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp về hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn Nguyễn Thị Hoài C, cư trú tại xóm 6, xã Trù Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đô Lương thụ lý giải quyết là đúng pháp luật.

Trước khi khởi kiện, nguyên đơn đã thực hiện việc yêu cầu bị đơn trả nợ nên đáp ứng đúng quy định tại điều 463, 469 Bộ luật dân sự 2015, Điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự về điều kiện khởi kiện.

Giao dịch phát sinh vào tháng 11 năm 2017 nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 (có hiệu lực vào thời điểm phát sinh giao dịch) để làm căn cứ pháp lý khi giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, bà H đã giao nộp bản gốc của tài liệu thể hiện nội dung giao dịch vay tiền ngày 24/11/2017

Bị đơn đã có bản tự khai và có thừa nhận việc vay nợ giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào cho tòa án nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét các tài liệu do nguyên đơn giao nộp để giải quyết vụ án.

[2]. Về nội dung:

Căn cứ vào giấy vay nợ và lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử khẳng định được: Vào ngày 24/11/2017, chị Nguyễn Thị Hoài C đã vay của bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn T (chồng của Bà H) số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu đồng), trong tờ giấy ghi nhận nợ không thấy ghi lãi suất thỏa thuận giữa hai bên, Quá trình giải quyết vụ án các bên đều thừa nhận có thỏa thuận với mức lãi suất là 2%/01 tháng. Như vậy, căn cứ vào quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì đây là giao dịch vay tài sản không thời hạn và có lãi, theo đó bên vay có quyền yêu cầu bên vay phải trả bất cứ lúc nào, Quá trình vay nợ giữa bên vay và bên cho vay đã thừa nhận với nhau đã trả được 30.000.000đ nhưng không ghi rõ tiền gốc hay lãi suất, do số tiền lãi thỏa thuận vượt quá quy định của pháp luật cho nên theo quy định tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi suất, phạt vi phạm quy định số tiền lãi đã trả cũng phải được giải quyết lại nếu mức lãi suất các bên thỏa thuận cao hơn mức quy định là vượt quá quy định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự 2015

Do không đồng ý với nội dung thỏa thuận ngày 07/01/2021 bà H đã làm đơn thay đổi ý kiến và tại phiên tòa yêu cầu bên bà M phải trả nợ gốc 100.000.000đ và tiền lãi suất 1,5% /01 tháng đối với số tiền cho vay trên.

Xét về yêu cầu lãi suất tiền vay: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các bên đương sự đều thừa nhận có thỏa thuận mức lãi suất 2% nhưng không ghi rõ thời gian. Nay bà H yêu cầu bà M phải trả là 1,5%/01tháng đối với số nợ vay là không vượt quá mức pháp luật cho phép và phù hợp với quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận

Đối với số tiền các bên đều thừa nhận đã thanh toán cho nhau 30.000.000đ nhưng không ghi rõ tiền gốc hay lãi, nhưng do việc thỏa thuận việc trả lãi suất 2% trên số nợ gốc là vượt quá quy định pháp luật do vậy nên chấp nhận trừ vào số tiền gốc 100.000.000đ mà bà H đã cho bà M vay.

Đối với ông Nguyễn Công M là chồng của bà M, theo bà M khai số nợ trên do bà tự vay với bà H, bản thân ông Mười không biết, thời điểm vay bà M chưa đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Công M, bà M xuất trình giấy đăng ký kết hôn giữa bà Nguyễn Thị Hoài C và ông Nguyễn Công M đăng ký kết hôn vào ngày 15/10/2020, mặt khác bà M tự nhận trách nhiệm trả nợ, giấy vay nợ cũng không ghi tên ông Mười do vậy không có căn cứ buộc ông Nguyễn Công M phải liên đới chịu trách nhiệm trả số nợ trên cho bà H và ông Thanh.

Căn cứ các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị Hoài C phải trả cho bà Phạm Thị H số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và nợ lãi phát sinh từ ngày 24/11/2017 đến ngày xét xử án sơ thẩm là ngày 30/3/2021 theo mức lãi suất 1,5%/tháng là 40 tháng 06 ngày với số tiền là 42.210.000 đồng nhưng được trừ đi số tiền gốc đã trả trước 30.000.000đ, số tiền còn lại bà M phải trả cho bà H và ông Thanh tổng cộng là 112.210.000đ (Một trăm mười hai triệu mười nghìn đồng)

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà M phải chịu 5.610.000đ (Năm triệu sáu mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí dân sự 3.450.000đ (Ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463; Điều 465; Điều 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 1 điều 147; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a, khoản 3 điều 2 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi suất, phạt vi phạm

Điều 26 Nghị quyết 326/2019/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H: Buộc bà Nguyễn Thị Hoài C phải trả cho bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn T số tiền nợ gốc 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi 42.210.000đ (bốn mươi hai triệu hai trăm mười nghìn đồng), tổng cộng hai khoản là 112.210.000đ (một trăm mười hai triệu hai trăm mười nghìn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành bản án có hiệu lực pháp luật, người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

- Về án phí:

Buộc chị Nguyễn Thị Hoài C phải nộp 5.610.000đ (Năm triệu sáu mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Phạm Thị H số tiền số tiền tạm ứng án phí 3.450.000đ (Ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005437 ngày 08/10/2020 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương phát hành.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đô Lương;
- Chi cục THADS huyện Đô Lương;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

NGUYỄN XUÂN ĐẠI

- *Luu.*